TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2156/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Hồ Thị Lang

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 186/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 655/2024/QĐXXST-DS ngày 15/8/2024 Quyết định hoãn phiên tòa số 558/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: Phường N, Quận A, Thành phố H

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Phạm Anh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Phường M, Quận A, Thành phố H.

- ***Bị đơn***: Ông Trần Nhật T1

Địa chỉ: Phường O, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Phạm Anh T trình bày: Ngân hàng TMCP C (gọi tắt Ngân hàng) cấp tín dụng cho ông Trần Nhật T1 căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2035.231118 (Số tài khoản vay: 273106889), chi tiết như sau: Số tiền cho vay 100.000.000 (một trăm triệu đồng); mục đích cho vay: tiêu dùng tín chấp – vay nhóm không hợp tác – mua sắm vật dụng gia đình, phương thức cho vay: cho vay từng lần; phương thức giải ngân: toàn bộ số tiền vay được giải ngân một lần ngay sau khi ký HĐTD bằng cách chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán tại Ngân hàng; thời hạn cho

vay: 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; lãi suất trong hạn: lãi suất tính theo dư nợ ban đầu: 8,00%/năm (LS1), lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế 15,74%/năm (LS2); lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (LS2); lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Nhật T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo thoả thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn thì ngày 16/11/2022, Ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của hợp đồng cấp tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 31/7/2024 là 83.641.012 đồng, trong đó vốn gốc: 47.931.145 đồng, lãi trong hạn: 11.488.889 đồng, lãi quá hạn: 20.510.849 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 3.710.139 đồng. Buộc ông Trần Nhật T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng của C, tính kể từ ngày 01/8/2024 đến ngày trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Trần Nhật T1 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Trần Phạm Anh T là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Trần Nhật T1 trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 85.619.557 đồng, trong đó vốn gốc: 47.931.145 đồng, lãi trong hạn: 11.488.905 đồng, lãi quá hạn: 22.309.094 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 3.890.413 đồng. Yêu cầu ông Trần Nhật T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng của Ngân hàng, tính kể từ ngày 28/9/2024 đến ngày trả dứt nợ.

Bị đơn ông Trần Nhật T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 422, Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Nhật T1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật. (kèm theo bài phát biểu ngày 27/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án*: Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng số HCM.CN.2035.231118 ngày 23/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C và ông Trần Nhật T1 để vay số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Nhật T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện, do đó có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Hiện nay, ông Trần Nhật T1, sinh năm 1987 không có đăng ký thường trú, tạm trú tại Phường O, quận B, Thành phố H". Tuy nhiên theo quy định thì Ngân hàng TMCP C đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở", do ông T1 thay đổi nơi cư trú mà không thông báo thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017.

- Về thủ tục vắng mặt: Bị đơn ông Trần Nhật T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ nhất nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét việc ông T1 đã ký hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP C, ông T1 đã sử dụng số tiền 100.000.000 đồng là có thật, phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ông T1 là người sử dụng tiền thẻ trong quá trình sử dụng thẻ ông T1 luôn thanh toán trễ hạn cho Ngân hàng TMCP C cho thấy bị đơn ông T1 đã vi phạm hợp đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt nhiều lần nhưng ông T1 không đến Tòa án, không cung cấp các chứng cứ bảo vệ quyền lợi ích của mình theo quy định, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo các chứng cứ Ngân hàng TMCP C cung cấp thì việc ông T1 có vay tiền có sử dụng tiền là có thật nên việc Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu ông T1 trả tiền là có căn cứ.

Về lãi suất, xét Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C và ông T1 có thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C về yêu cầu ông Trần Nhật T1 thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 85.619.557 đồng, trong đó vốn gốc: 47.931.145 đồng, lãi trong hạn: 11.488.905 đồng, lãi quá hạn: 22.309.094 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 3.890.413 đồng. Buộc ông Trần Nhật T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh

theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng của Ngân hàng, tính kể từ ngày 28/9/2024 đến ngày trả dứt nợ. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Buộc bị đơn là ông Trần Nhật T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 85.619.557 đồng (trong đó vốn gốc: 47.931.145 đồng, lãi trong hạn: 11.488.905 đồng, lãi quá hạn: 22.309.094 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 3.890.413 đồng. ông T1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng của Ngân hàng, tính kể từ ngày 28/9/2024 đến ngày trả dứt nợ. Thời hạn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông Trần Nhật T1 phải chịu là 4.281.000 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.820.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0029405 ngày 19/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh